

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 187/2025/NĐCP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, học viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-PC ngày ...

tháng ... năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Quy định mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (Nghị định số 277/2025/NĐ-CP).

3. Quy định mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (Nghị định số 66/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố không được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

2. Trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố, gồm: Trẻ nhà trẻ thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; trẻ mẫu giáo thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định 105/2020/NĐ-CP và khoản 1, Điều 6 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3. Học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố không được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

4. Học sinh phổ thông là người khuyết tật đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố không được hưởng chính sách học bổng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLTT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc quy định chính sách về giáo dục đối với học sinh người khuyết tật.

5. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật đang theo học trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

6. Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

7. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Trẻ mầm non được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Hỗ trợ tiền ăn trưa 560.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

2. Trẻ mầm non được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này: Hỗ trợ tiền ăn trưa 560.000 đồng/trẻ/tháng, thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế và không quá 9 tháng/năm học. Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP; kinh phí còn lại do ngân sách thành phố đảm bảo.

3. Học sinh phổ thông quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: Hỗ trợ tiền ăn và chi phí học tập: 1.200.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

4. Học sinh, sinh viên được quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này:

a) Hỗ trợ học bổng chính sách 900.000 đồng/học sinh/tháng; hỗ trợ trong một năm học, được cấp đủ 12 tháng hoặc có thời gian học năm đầu, năm cuối không đủ 12 tháng thì cấp theo số tháng thực học của năm đó.

Đối với các chương trình đào tạo theo tín chỉ: Học bổng chính sách được cấp theo thời gian đào tạo quy đổi nhưng không vượt quá thời gian đào tạo của ngành, nghề học và trình độ đào tạo tương đương theo hình thức niên chế.

b) Hỗ trợ 01 lần/năm tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại:

Học sinh, sinh viên ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 300.000 đồng/học sinh/năm.

Các đối tượng còn lại: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/học sinh/năm.

5. Mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho trẻ em mầm non đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này.

Hỗ trợ kinh phí 7.020.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 15 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập không đủ số lượng 45 trẻ em theo quy định, nhưng có số lượng từ 15 trẻ em trở lên thì được tính một lần mức hỗ trợ.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP; kinh phí còn lại ngân sách thành phố đảm bảo. Khi mức lương cơ sở điều chỉnh, thì mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố được điều chỉnh theo, đảm bảo tổng mức hỗ trợ tương đương với 300% mức lương cơ sở.

6. Mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này.

Hỗ trợ kinh phí 7.020.000 đồng/01 tháng/45 học sinh, số dư từ 20 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức. Trường hợp có số lượng dưới 45 học sinh bán trú, nhưng có số lượng trên 15 học sinh thì được tính một lần định mức nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, kinh phí còn lại do ngân sách thành phố đảm bảo. Khi mức lương cơ sở điều chỉnh, thì mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố được điều chỉnh theo, đảm bảo tổng mức hỗ trợ tương đương với 300% mức lương cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Trong trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng các chính sách được quy định tại Nghị quyết này so với các quy định khác của pháp luật đang thực hiện thì chỉ được hưởng theo mức hỗ trợ cao nhất.

Các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I; thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn phân vùng theo quy định hiện hành, khi các văn bản quy định về xã khu vực III, khu vực II, khu vực I; thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Ngoài mức hỗ trợ tại Nghị quyết này, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể hỗ trợ tăng thêm cho các đối tượng và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế: Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2026; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022.
 2. Nghị quyết này bãi bỏ một phần của Nghị quyết số 202/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Học sinh mầm non, tiểu học là người dân tộc thiểu số thuộc điểm a khoản 2 Điều 5; Khoản 1 và điểm a, b, c khoản 3 Điều 5; Điều 4.
 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày kí.
- Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;

CHỦ TỊCH

- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Chuyên đề CATPĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.